

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày: 29/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi
- Ông Lâm Thành Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Âm – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1948;

Địa chỉ: 2 ấp C, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Quỳnh D, sinh năm 2001, địa chỉ: 3 ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre. Nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Quỳnh D trình bày:

Do có mối quen biết nên bà L có vay của ông Nguyễn Ngọc S số tiền như sau: Ngày 19/6/2023 bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 02 năm, từ

ngày 19/6/2023 đến ngày 19/6/2025; hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,66%/tháng. Để làm tin, ông S và bà L có làm hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023 được công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng 1298, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD. Tại Điều 3 của hợp đồng có quy định lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức quy định của pháp luật; trả lãi vào ngày 19 hàng tháng bằng tiền mặt. Ngày 26/6/2023 ông S cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng từ ngày 26/6/2023 đến ngày 26/12/2023, lãi suất là 1,66%/tháng. Để làm niềm tin, ông S có làm hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2023 được công chứng tại Văn phòng C theo số công chứng 1361, quyền số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD. Tại Điều 3 của hợp đồng có quy định lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá mức quy định của pháp luật, trả lãi vào ngày 26 hàng tháng bằng tiền mặt.

Như vậy, tổng số tiền bà L đã vay của ông S là 100.000.000 đồng. Trong thời gian vay, bà L có trả cho ông S được 06 tháng tiền lãi, sau đó bà L không trả được nợ mà cứ hẹn lần lượt. Do đó, nay ông S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L phải trả cho ông S số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 26/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do bận công nên bà Đinh Quỳnh D yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và cam kết không khiếu nại về sau.

Bà Nguyễn Thị Trúc L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà L không đến Tòa án nên không có lời khai và cũng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn theo đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 26/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc S yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Quỳnh D có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vay là 100.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc S khởi kiện để yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L trả số nợ gốc là 100.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023 và hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2023. Xét hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023 thể hiện ông Nguyễn Ngọc S có cho bà Nguyễn Thị Trúc L vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn 02 năm. Hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2023 thể hiện ông Nguyễn Ngọc S có cho bà Nguyễn Thị Trúc L vay số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng. Các hợp đồng này đều có chữ ký của bà Nguyễn Thị Trúc L và được công chứng tại Văn phòng C, như vậy hình thức của các giao dịch này phù hợp với quy định tại Điều 119 Bộ luật dân sự, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông S nên ông S khởi kiện yêu cầu bà L phải trả số nợ gốc 100.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và giấy triệu tập cho bà L nhưng bà L không đến Tòa án cũng như không có yêu cầu phản tố hay ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả về việc vắng mặt này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S về việc yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 26/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, theo các hợp đồng vay tiền ngày 19/6/2023, hợp đồng vay tiền ngày 26/6/2023 đều có thể hiện về lãi suất vay là do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá quy định của pháp luật. Việc ông S yêu cầu mức lãi suất là 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận; ông S yêu cầu tính lãi từ ngày 26/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2025) là 18 tháng 03 ngày. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau $100.000.000 \times 1,66\%/tháng \times 18 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 30.046.000$ đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi mà bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông S là 130.046.000 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bà L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 6.502.300 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S; buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc S số tiền 130.046.000 (một trăm ba mươi triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, nợ lãi là 30.046.000 (ba mươi triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu là 6.502.300 (sáu triệu, năm trăm lẻ hai nghìn, ba trăm) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Thi